

BẢNG TRẢ TIỀN TỶ LỆ THƯƠNG TẬT

Ban hành theo quyết định số 267 /QĐ-PTI-BHCN ngày 26 / 09 / 2012 của Tổng giám đốc Tổng công ty
Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Quyền lợi	Tỷ lệ trả tiền
I – CHẾT	100%
II – THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN	
1. Mất hoặc mù hoàn toàn 2 mắt	100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được	100%
3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói.....	100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) Hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)	100%
5. Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân hoặc mất một cánh tay hoặc một bàn chân hoặc mất một cánh tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một bàn chân... ..	100%
6. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn) ----	100%
7. Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia.....	100%
III – THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN	
CHI TRÊN	
8. Mất một cánh tay từ vai xuống (Tháo khớp vai)	64%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống.....	60%
10. Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (Tháo khớp khuỷu).....	56%
11. Mất trọn một bàn tay hoặc toàn bộ cả 5 ngón tay	52%
12. Mất đồng thời cả bốn ngón tay của một bàn tay	40%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ	35%
14. Mất 3 ngón: 3 - 4 – 5	30%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác	30%
16. Mất ngón cái và một ngón khác	26%
17. Mất ngón trỏ và hai ngón khác	30%

PHỤ LỤC 03

18. Mất ngón trỏ và một ngón giữa-----	26%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn -----	22%
Mất trọn ngón cái -----	18%
Mất cả đốt ngoài -----	10%
Mất nửa đốt ngoài -----	.07%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn -----	18%
Mất ngón trỏ -----	17%
Mất hai đốt 2 và 3 -----	07%
Mất đốt 3 -----	04%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn	
(bao gồm cả đốt bàn) -----	16%
Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn -----	14%
Mất hai đốt 2 và 3-----	08%
Mất đốt 3-----	.04%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn-----	.14%
Mất cả ngón út -----	10%
Mất hai đốt 2 và 3-----	.07%
Mất đốt 3 -----	04%
23. Cứng khớp bả vai-----	25%
24. Cứng khớp khuỷu tay -----	20%
25. Cứng khớp cổ tay -----	20%
26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả -----	20%

CHI DƯỚI

27. Mất một chân từ háng xuống (Tháo khớp háng một đùi) -----	64%
28. Cắt cụt một đùi	
1/3 trên -----	55%
1/3 giữa hoặc dưới -----	50%
29. Cắt cụt một chân từ gối xuống (Tháo khớp gối) -----	52%

PHỤ LỤC 03

30. Tháo khớp cổ chân hoặc mất một bàn chân -----	48%
31. Mất xương sên -----	32%
32. Mất xương gót -----	32%
33. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân -----	32%
34. Mất đoạn xương mác-----	20%
35. Mất mắt cá chân: Mất cá ngoài hoặc trong -----	10%
36. Mất cả 5 ngón chân -----	40%
37. Mất 4 ngón chân bao gồm cả ngón cái -----	34%
38. Mất bốn ngón trừ ngón cái -----	32%
39. Mất ba ngón 3 – 4 – 5 -----	22%
40. Mất ba ngón 1 – 2 – 3-----	26%
41. Mất một ngón cái và ngón 2 -----	18%
42. Mất một ngón cái -----	14%
43. Mất một ngón ngoài ngón cái -----	10%
44. Mất một đốt ngón cái -----	08%
45. Cứng khớp háng -----	40%
46. Cứng khớp gối -----	28%
47. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi ----	40%
48. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- Ít nhất 5 cm -----	35%
- Từ 3 đến 5 cm-----	30%
49. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài -----	32%
50. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong-----	24%

CỘT SỐNG

51. Cắt bỏ cung sau của một đốt sống-----	28%
của 2 – 3 đốt sống trở lên -----	40%

SỌ NÃO

52. Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần) gây ra đau đầu kéo dài-----	25%
53. Cắt bỏ bán cầu não -----	48%

PHỤ LỤC 03

54. Cắt bỏ bộ phận hay toàn bộ thùy não -----40%

LÒNG NGỰC

53. Cắt bỏ 1 -2 xương sườn-----14%

54. Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên-----20%

55. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn-----07%

56. Cắt toàn bộ một bên phổi-----70%

57. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống (DTS) giảm trên 50%-----56%

58. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên-----50%

59. Cắt một thùy phổi-----32%

BỤNG

60. Cắt toàn bộ dạ dày-----64%

61. Cắt đoạn dạ dày-----44%

62. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)-----64%

63. Cắt đoạn ruột non-----36%

64. Cắt toàn bộ đại tràng-----64%

65. Cắt đoạn đại tràng-----44%

66. Cắt bỏ gan phải đơn thuần-----60%

67. Cắt bỏ gan trái đơn thuần-----52%

68. Cắt ½ của một thùy gan-----48%

69. Cắt 1/3 của một thùy gan-----32%

70. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan-----24%

71. Cắt bỏ túi mật-----21%

72. Cắt bỏ lá lách-----36%

73. Cắt bỏ đuôi tụy, lách-----52%

CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC

72. Cắt bỏ một thận, thận còn lại bình thường-----44%

73. Cắt bỏ một thận, thận còn lại bị thương hoặc bệnh lý-----60%

74. Cắt một phần thận trái hoặc phải-----28%

75. Cắt một phần bàng quang-----24%

PHỤ LỤC 03

Cùng bên-----	60%
87. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới -----	60%
88. Mất một phần xương hàm trên hoặc một phần xương hàm dưới từ 1/3 đến 1/2 bị mất từ cành cao trở xuống-----	32%
89. Mất hoàn toàn răng: Từ 8 cái trở lên-----	25%
90. Mất 3/4 lưỡi, còn gốc lưỡi-----	64%
91. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi -----	44%
92. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm -----	16%
93. Mất một phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm-----	08%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
K/T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Bình